

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/HS-ST**
Ngày: 13-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Ngôn
2. Ông Huỳnh Thái Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên Tòa: Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021, các quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa đối với bị cáo:

Võ Thành V, sinh năm 1993 tại V, Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: chưa.

Tiền án: Tại bản án số 16/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/8/2018. Nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 12/5/2017. Chưa thi hành xong khoản tiền 11.250.000 đồng bồi thường cho bị hại Trương Thị Thanh T.

Tiền sự: Tại Quyết định số 44/QĐ-TA ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện V áp dụng Biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ngày 04/11/2016. Đến ngày 17/02/2017 được tạm thời đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để phục vụ cho công tác điều tra xét xử.

Nhân thân:

- Tại bản án số 11/2010/HSST ngày 08/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tại bản án số 54/2010/HSST ngày 07/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với bản án số 11/2010/HSST ngày 08/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện V thành hình phạt chung 30 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2011.

- Tại bản án số 130/2021/HSST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Khánh Hòa xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/12/2020.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Dương Quốc Đ, sinh năm: 1998, trú tại: Thôn TN1, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2. Ông Lê Minh Th, sinh năm: 1996, Hộ khẩu thường trú: Thôn NM, xã VT, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Nơi ở hiện tại: Thôn ĐB, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Võ Tấn T, sinh năm: 1989, hộ khẩu thường trú: Tổ 4, TB2, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện tại: 707 đường 2/4, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn TB 1, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1967, trú tại: Thôn TN 2, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ 1: Khoảng 16h00' ngày 12/7/2020, Võ Thành V một mình đi bộ đến nhà Dương Quốc Đ ở thôn TN1, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa để chơi. Khi đến nơi, V thấy em ruột của Đ là Dương Quốc Đ đang ngủ trên võng ở hiên nhà, trên bụng Đ có để 01 chìa khóa xe mô tô. V quan sát thấy xe mô tô 79V1-526.50 của Đ đang dựng ở đường bê tông trước nhà và xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp xe này. V lên lút lấy chìa khóa xe đang để trên bụng Đ rồi mở khóa xe 79V1-526.50 nổ máy chạy thoát. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, V điều khiển xe này chạy đến thị trấn D, huyện K bán cho một người đàn ông có tên thường gọi là Phạm P (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng rồi tiêu xài hết số tiền này. Đối với xe mô tô 79V1-526.50 đến nay vẫn chưa thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 104/2020/KL-TTHS ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận xe mô tô hiệu

YAMAHA kiểu dáng SIRIUS biển số 79V1-526.50 bị trộm cắp trị giá 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Vụ 2: Khoảng 07h40' ngày 12/8/2020, Võ Thành V đi bộ một mình đến trước Ga Đại Lãnh thuộc thôn ĐN, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa để chơi. Khi đến nơi V quan sát thấy xe mô tô 79S2-1546 của anh Lê Minh Th đang dựng trên lề đường quốc lộ 1A và chìa khóa vẫn còn cắm ở ổ khóa xe, không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. V lén lút tiếp cận xe mô tô 79S2-1546 mở khóa, nổ máy và chạy vào thành phố T để tiêu thụ. Trên đường đi đến cầu Suối Dừa thuộc thôn ĐN, xã ĐL, V dùng cờ lê trong cốp xe mô tô để tháo biển số xe 79S2-1546 ra rồi vứt xuống cầu. Khi đến khu vực Dốc Ké xã Vạn Thắng, V nhặt được biển số 79H2-5819 và gắn vào xe vừa trộm cắp để mang đi tiêu thụ. Khi đến công viên Ba Rừng trên đường 2/4, thành phố T, V tình cờ gặp Nguyễn Thanh T là bạn cùng xã. V hỏi T biết chỗ nào mua xe thì giới thiệu cho V bán xe, T đồng ý và dẫn V đến gặp Võ Tấn T ở phường V, thành phố T (T không biết xe do V trộm cắp mà có). Khi gặp T, V nói đây là xe của mình và hỏi T có mua xe không. T trả lời không mua xe nhưng hứa sẽ tìm người mua xe giúp V. Do không có tiền nên V đề nghị T đưa trước 1.000.000 đồng, khi nào bán được xe thì trả lại, T đồng ý. Sau khi có tiền, V đi đến khu vực Lầu 7 thuộc thành phố T mua heroin và cùng nhau sử dụng hết. Đến khoảng 17h00' cùng ngày, V quay lại gặp T hỏi bán được xe chưa nhưng xe vẫn chưa bán được, V đề nghị T đưa thêm 500.000 đồng nữa, khi nào bán được xe sẽ trả lại, T đồng ý. V dùng số tiền trên tiêu xài hết. Vụ việc sau đó bị phát hiện và thu giữ được xe mô tô trộm cắp. Riêng biển số 79S2-1546 đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 103/2020/KL-TTHS ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: xe mô tô hiệu HONDA kiểu dáng FUTURE X số máy JC35E-3224227, số khung RLHJC3507AY611958, biển số đăng ký 79S2-1546 trị giá 18.200.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKSVN ngày 09/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Võ Thành V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thành V mức hình phạt từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thành V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, là một công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng trên đã có lời khai trong hồ sơ. Xét thấy, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo Võ Thành V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đồng thời, qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 12/7/2020 và 12/8/2020 trên địa bàn thôn TN1 và thôn ĐN, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, Võ Thành V đã có hành vi trộm cắp xe mô tô 79V1-526.50 của Dương Quốc Đ trị giá 18.900.000 đồng; trộm cắp xe mô tô 79S2-1546 của Lê Minh Th trị giá 18.200.000 đồng. Tổng cộng 37.100.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bên cạnh đó, ngày 03/12/2020, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn thành phố T và bị Tòa án nhân dân thành phố T kết án 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án 130/2021/HSST ngày 17/6/2021. Mặt khác, bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 16/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Qua đó, cho thấy hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh và coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 12/7/2020 và 12/8/2020, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án 16/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V mà tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì các lý trên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện V kết án về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 11/2010/HSST ngày 08/02/2010 và bản án số 54/2010/HSST ngày 07/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện V; đã bị Tòa án nhân dân huyện V áp dụng Biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng tại Quyết định số 44/QĐ-TA ngày 28/10/2016 nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 biển số xe 79H2-5819. Theo kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra thể hiện biển số xe 79H2-5819 có chủ xe là Nguyễn Thị Huyền Trang – sinh năm 1989, địa chỉ tại 91 Đô Lương, phường Phước Hòa, thành phố T. Tuy nhiên, bà Trang khai nhận trong quá trình sử dụng xe chưa bị mất cũng như chưa đổi biển số xe lần nào và hiện nay vẫn còn đang sử dụng biển số xe 79H2-5819. Do đó, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Minh Th đã nhận lại tài sản chiếm đoạt và không có yêu cầu gì; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với bị hại Dương Quốc Đ yêu cầu bồi thường xe mô tô 79V1-526.50 theo giá trị định giá là 18.900.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại Dương Quốc Đ, phù hợp với các quy định tại các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thanh T và Võ Tấn T có hành vi giúp cho Võ Thành V tiêu thụ xe mô tô trộm cắp nhưng T và T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 945.000 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; **Điều 55, Điều 56** Bộ luật Hình sự;

- Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Điều 584, 585, 589 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Võ Thành V **02 (hai) năm tù** về tội “**Trộm cắp tài sản**”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 79H2-5819 (tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V ngày 13/5/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho ông Dương Quốc Đ số tiền 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Võ Thành V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 945.000 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V (02 bản);
- Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Triều